

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

THỊ XÃ B

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 24/2023/DSST

Ngày: 31/7/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiệu Hmôk.

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Từ ngày 27/7/2023 đến ngày 31/7/2023, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2023/TLST-DS, ngày 22 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L; sinh năm 1982; Số nhà A, đường Đ, tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ: Số nhà A1, đường Đ, tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Năm 2022 bà Lê Thị L cho vợ chồng bị đơn là bà Nguyễn Thị Hải Y, ông Nguyễn Văn H vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 10/01/2022 ông H vay 20.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là trả góp trong 16 tháng; hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng. Ông H đã trả đến ngày 09/12/2022 được 13.750.000 đồng, còn lại 6.250.000 đồng nợ gốc; lãi suất tính đến ngày khởi kiện 05/5/2023 còn lại 625.000 đồng.

Lần 2: Ngày 27/02/2022 ông H vay 15.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là trả góp trong 10 tháng; hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng. Ông H đã trả đến ngày 26/11/2022 được 13.500.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng nợ gốc; lãi suất tính đến ngày khởi kiện còn lại 150.000 đồng.

Lần 3: Ngày 26/4/2022 ông H vay 30.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là trả góp trong 12 tháng; hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng. Ông H đã trả đến ngày 25/11/2022 được 17.500.000 đồng, còn lại 12.500.000 đồng nợ gốc; lãi suất tính đến ngày khởi kiện còn lại 1.250.000 đồng.

Lần 4: Ngày 17/5/2022 ông H vay 25.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là trả góp trong 10 tháng; hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng. Ông H đã trả đến ngày 16/12/2022 được 17.500.000 đồng, còn lại 7.500.000 đồng nợ gốc; lãi suất tính đến ngày khởi kiện còn lại 675.000 đồng.

Lần 5: Ngày 31/5/2022 ông H và vợ là bà Y vay 40.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là 03 tháng sau đó chuyển sang trả góp trong 10 tháng; hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng. Ông H bà Y đã trả đến ngày 29/11/2022 được 12.000.000 đồng, còn lại 28.000.000 đồng nợ gốc; lãi suất tính đến ngày khởi kiện còn lại 2.800.000 đồng.

Lần 6: Ngày 02/7/2022 ông H và vợ là bà Y vay 25.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là 10 tháng; hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng. Đến nay, ông H, bà Y còn nợ 25.000.000 đồng nợ gốc; lãi suất tính đến ngày khởi kiện còn lại 2.500.000 đồng.

Lần 7: Ngày 11/7/2022 ông H và vợ là bà Y vay 25.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là trả góp trong 10 tháng; hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng. Ông H bà Y đã trả đến ngày 10/12/2022 được 12.500.000 đồng, còn lại 12.500.000 đồng nợ gốc; lãi suất tính đến ngày khởi kiện còn lại 1.125.000 đồng.

Lần 8: Ngày 02/8/2022 ông H và vợ là bà Y vay 30.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là 10 tháng kể từ ngày vay; hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng. Đến nay, ông H bà Y còn nợ 30.000.000 đồng nợ gốc; lãi suất tính đến ngày khởi kiện còn lại 3.000.000 đồng.

Lần 9: Ngày 14/10/2022 ông H vay 15.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là trả góp trong 10 tháng; hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng. Ông H đã trả đến ngày 13/12/2022 được 3.000.000 đồng, còn lại 12.000.000 đồng nợ gốc; lãi suất tính đến ngày khởi kiện còn lại 1.080.000 đồng.

Lần 10: Ngày 30/10/2022 ông H vay 10.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là 03 tháng; hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng. Đến nay, ông H còn nợ 10.000.000 đồng nợ gốc; lãi suất tính đến ngày khởi kiện còn lại 1.000.000 đồng.

Lần 11: Ngày 07/11/2022 ông H vay 20.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là trả góp trong 10 tháng; hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng. Ông H đã trả đến ngày 06/12/2022 được 2.000.000 đồng, còn lại 18.000.000 đồng nợ gốc; lãi suất tính đến ngày khởi kiện còn lại 1.800.000 đồng.

Lần 12: Ngày 30/11/2022 ông H vay 30.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là trong 10 ngày; hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng. Ông

H đã trả đến ngày 21/12/2022 được 20.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng nợ gốc; lãi suất tính đến ngày khởi kiện còn lại 900.000 đồng.

Lần 13: Ngày 07/12/2022 ông H vay 25.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là ngày 17/02/2023; hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng. Ông H chưa trả nên còn nợ gốc 25.000.000 đồng; lãi suất tính đến ngày khởi kiện còn lại 2.500.000 đồng.

Tổng cộng: Ông H bà Y vay 13 lần số tiền 310.000.000 đồng. Trong đó, ông H ký giấy vay 190.000.000 đồng; vợ chồng ông H bà Y cùng ký giấy vay 120.000.000 đồng.

Ông H bà Y đã trả được 111.750.000 đồng. Trong đó, phần ông H ký giấy vay đã trả được 87.250.000 đồng; phần ông H bà Y cùng ký giấy vay đã trả được 24.500.000 đồng.

Số nợ còn lại: Phần ông H ký giấy vay là 102.750.000 đồng; phần ông H bà Y cùng ký giấy vay là 95.500.000 đồng.

Nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông H bà Y chưa trả là đã vi phạm nghĩa vụ nên bà L khởi kiện yêu cầu ông H, bà Y có nghĩa vụ trả các khoản nợ còn lại là 198.250.000 đồng nợ gốc và 19.405.000 đồng lãi suất tính từ ngày vay cho đến ngày khởi kiện.

Ngày 20/6/2023 nguyên đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện. Theo đó chỉ khởi kiện ông H phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc còn lại là 198.250.000 đồng và 19.405.000 đồng lãi suất tính đến ngày nộp đơn 05/5/2023 và tiếp tục chịu lãi suất 20%/năm tính từ ngày 05/05/2023 cho đến khi trả xong số nợ. Nguyên đơn chưa có yêu cầu gì với bà Y.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Hùng thừa nhận tất cả các lần vay nợ của nguyên đơn Lê Thị L như nguyên đơn trình bày. Số tiền vay nói trên là để ông H đầu tư trồng khoai lang và kinh doanh nhưng bị thua lỗ nên chưa trả hết cho bà L như đã hẹn.

Ông H cho rằng tất cả các lần vay nêu trên là do ông ký xác nhận vay. Đối với các giấy vay có chữ ký, viết tên vợ ông là bà Y cũng do ông tự ký vào thay cho bà Y. Vợ ông H là bà Y không ký giấy vay nào, ngoài ra hiện nay bà Y vợ ông H cũng đã bỏ nhà đi khỏi địa phương không rõ đi đâu, nên ông H chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ còn lại cho bà L là 198.250.000 đồng và đề nghị không tính lãi suất đối với số tiền vay.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án:

1. Về tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử vụ án dân sự sơ thẩm.

2. Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên ông H phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 198.250.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Việc Tòa án xác định là đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và thụ ý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc nguyên đơn có cho bị đơn vay nhiều lần (13 lần) tổng cộng số tiền là 310.000.000 đồng. Số tiền này bị đơn vay là vay nhằm mục đích trồng khoai lang và phát triển kinh tế gia đình. Do làm ăn thua lỗ nên chưa có điều kiện trả hết số nợ cho nguyên đơn là bà L như đã thỏa thuận. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc bị đơn là ông H đã trả được 111.750.000 đồng tiền gốc.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, ông H cho rằng tất cả các lần vay nêu trên là do ông ký xác nhận vay. Các chữ ký, viết tên bà Nguyễn Thị Hải Y vợ ông H trong các giấy vay ngày 31/5/2022, ngày 02/7/2022, ngày 11/7/2022, ngày 02/8/2022 là do ông H ký và viết tên bà Y vào chứ bà Y không ký giấy vay nào, nên ông H chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ còn lại cho bà L là 198.250.000 đồng. Ngoài ra ông H đề nghị không tính lãi suất đối với số tiền vay. Nguyên đơn là bà L cũng thừa nhận do tin tưởng ông H nên đưa cho ông H mang giấy vay về nhà đưa cho bà Y ký, chứ không chứng kiến việc bà Y có ký nhận vào giấy vay hay không. Vì vậy, tại vụ án này, bà L chỉ yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ mà chưa có yêu cầu gì đối với bà Y vợ ông H.

[3]. Đối với số tiền đã vay, nguyên đơn cho rằng có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, tại các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp, thì không thể hiện việc hai bên có thỏa thuận về lãi suất. Trong khi đó, ông H đề nghị không tính lãi suất đối với khoản tiền còn nợ.

[4]. Xét thấy, việc hai bên có giao dịch cho nhau vay tiền là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên cần chấp nhận. Hiện nay, ông H đã quá hạn trả nợ nhưng chưa trả cho nợ cho bà L là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên cần buộc bị đơn là ông H có nghĩa vụ trả nợ cho bà L số tiền 198.250.000 đồng nợ gốc còn lại. Đối với số nợ này, hiện nay bà L chỉ yêu cầu ông H trả, chưa có yêu cầu gì với vợ ông H là bà Y nên không xem xét vai trò, trách nhiệm của bà Y tại vụ án này.

[5]. Về lãi suất: Xét thấy, tại các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp

không thể hiện cụ thể về mức lãi suất. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà L cho rằng hai bên có thỏa thuận miệng với nhau về mức lãi suất hàng tháng là 2%. Do vậy bà L đề nghị tính lãi suất đối với số tiền còn lại với mức 20%/năm tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến khi trả xong các khoản nợ. Tuy nhiên, các chứng cứ là các giấy vay, mượn tiền do hai bên ký kết không thể hiện mức lãi suất cụ thể. Trong khi đó, ông H đề nghị không tính lãi suất đối với số tiền còn nợ, nên Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất đối với số tiền vay còn lại nêu trên theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm kể từ thời điểm quá hạn trả nợ.

[6]. Lãi suất được tính như sau:

Khoản vay lần 1: Nợ gốc đến ngày 09/12/2022 còn lại 6.250.000 đồng; lãi suất tính từ ngày 10/12/2022 đến nay (ngày mở phiên tòa) 27/7/2023 là $6.250.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 07 \text{ tháng} = 364.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Khoản vay lần 2: Nợ gốc đến ngày 26/11/2022 còn lại 1.500.000 đồng; lãi suất tính từ ngày 27/11/2022 đến nay (ngày mở phiên tòa) 27/7/2023 là $1.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 08 \text{ tháng} = 100.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Khoản vay lần 3: Nợ gốc đến ngày 25/11/2022 còn lại 12.500.000 đồng; lãi suất tính từ ngày 26/11/2022 đến nay (ngày mở phiên tòa) 27/7/2023 là $12.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 08 \text{ tháng} = 833.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Khoản vay lần 4: Nợ gốc đến ngày 16/12/2022 còn lại 7.500.000 đồng; lãi suất tính từ ngày 17/12/2022 đến nay (ngày mở phiên tòa) 27/7/2023 là $7.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 07 \text{ tháng} = 437.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Khoản vay lần 5: Nợ gốc đến ngày 29/11/2022 còn lại 28.000.000 đồng; lãi suất tính từ ngày 30/11/2022 đến nay (ngày mở phiên tòa) 27/7/2023 là $28.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 08 \text{ tháng} = 1.866.500 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Khoản vay lần 6: Ngày 02/7/2022 ông Hùng vay 25.000.000 đồng; tại giấy mượn tiền này có thỏa thuận trả lãi hàng tháng, nên lãi suất tính từ ngày vay đến nay (ngày mở phiên tòa) 27/7/2023 là $25.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 12 \text{ tháng} = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay lần 7: Nợ gốc đến ngày 10/12/2022 là 12.500.000 đồng; lãi suất tính từ 11/12/2022 đến nay (ngày mở phiên tòa) 27/7/2023 là $12.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 07 \text{ tháng} = 728.500 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Khoản vay lần 8: Ngày 02/8/2022 anh Hùng vay 30.000.000 đồng; tại giấy này có thỏa thuận trả lãi hàng tháng nên lãi suất tính từ ngày vay đến nay (ngày mở phiên tòa) 27/7/2023 là $30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 11 \text{ tháng} = 2.748.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Khoản vay lần 9: Nợ gốc đến ngày 13/12/2022 là 12.000.000 đồng; lãi suất tính từ 14/12/2022 đến nay (ngày mở phiên tòa) 27/7/2023 là $12.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 7 \text{ tháng} = 700.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Khoản vay lần 10: Nợ gốc đến ngày 29/11/2022 là 10.000.000 đồng; lãi suất tính từ 30/11/2022 đến nay (ngày mở phiên tòa) 27/7/2023 là 10.000.000 đồng x 10%/năm x 08 tháng = 667.000 đồng (làm tròn số).

Khoản vay lần 11: Nợ gốc đến ngày 06/12/2022 là 18.000.000 đồng; lãi suất tính từ 07/12/2022 đến nay (ngày mở phiên tòa) 27/7/2023 là 18.000.000 đồng x 10%/năm x 07 tháng = 1.200.000 đồng (làm tròn số).

Khoản vay lần 12: Nợ gốc đến ngày 21/12/2022 là 10.000.000 đồng; lãi suất tính từ ngày 22/12/2022 đến nay (ngày mở phiên tòa) 27/7/2023 là 10.000.000 đồng x 10%/năm x 7 tháng = 583.000 đồng.

Khoản vay lần 13: Nợ gốc đến ngày 17/02/2022 là 25.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là ngày 12/02/2023; lãi suất tính từ ngày 17/02/2022 đến nay (ngày mở phiên tòa) 27/7/2023 là 25.000.000 đồng x 10%/năm x 05 tháng = 1.041.000 đồng (làm tròn số).

Tổng cộng lãi suất là: 13.768.000 đồng.

[7]. Kể từ ngày 28/7/2023 ông H có nghĩa vụ phải tiếp tục chịu lãi suất 10%/năm đối với khoản nợ gốc 198.250.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[8]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; trả lại cho bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 119, 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị L. Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L số tiền nợ gốc 198.250.000 đồng và 13.768.000 đồng lãi suất;

Kể từ ngày 28/7/2023 ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ phải tiếp tục chịu lãi suất 10%/năm đối với khoản nợ gốc 198.250.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 10.600.900 đồng. Trả lại cho bà Lê Thị L 5.441.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo biên lai số 0018568, ngày 18/5/2023.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Nguyễn Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thị xã B;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Long